

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ XÉT TUYỂN (VÒNG 2)
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI NĂM 2026**

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
1	Phạm Duy Bằng	28/04/1981	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
2	Đông Quang Hoan	22/08/1981	Vũ Quang, Hà Tĩnh	Đại học	Địa chính		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
3	Dương Thành Công	05/11/1989	Hồng Châu, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
4	Trần Văn Định	16/04/1992	Vạn Hưng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
5	Võ Mai Trí Thức	06/03/1990	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
6	Nguyễn Như Kiệt	03/11/1992	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
7	Trần Thanh Vũ	01/08/1984	Tuy Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
8	Huỳnh Thị Lan	25/08/1991	Xuân Lộc, Đồng Nai	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
9	Nguyễn Thiệu Thục Nhi	04/06/1995	Nam Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
10	Hoàng Ngọc Thái	11/11/1994	Bắc Nha Trang, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai + Công nghệ kỹ thuật ô tô		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
11	Võ Quang Ngọc	04/01/1990	Huế	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
12	Huỳnh Tường Viên	01/01/1983	Diên Lâm, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Kỹ thuật trắc địa bản đồ + Thạc sĩ kinh tế		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
13	Nguyễn Huy Tùng	19/07/1995	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
14	Hoàng Văn Tuấn	18/07/1982	Hoạt Giang, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
15	Hoàng Đông Anh	11/05/1987	Hoạt Giang, Thanh Hóa	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
16	Cao Xuân Thông	13/04/1983	Diễn Châu, Nghệ An	Đại học	Trắc địa		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
17	Lê Thị Vĩnh Phúc	04/05/1992	Thăng Bình, Đà Nẵng	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
18	Trần Thị Vũ Lai	18/12/1988	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai+ trắc địa		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
19	Nguyễn Tấn Quốc Đại	26/12/1985	Tam Kỳ, Đà Nẵng	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
20	Nguyễn Quy	13/12/1984	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
21	Trần Quốc Tuấn	29/01/1985	Quảng Điền, Huế	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
22	Trần Việt Sơn	23/01/1991	Ninh Kiều, Hà Nội	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
23	Lương Công Kiên	29/01/1983	Đông Thái, Ninh Bình	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
24	Võ Thị Hạnh	26/07/1982	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành	
25	Trần Lê Thanh Xuân	01/11/1982	Đan Hải, Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành	
26	Dương Văn Thắng	04/05/1989	Đan Hải, Hà Tĩnh	Đại học	Trắc địa		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành	
27	Nguyễn Thị Thơm	06/07/1996	Đông Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành	
28	Nguyễn Bá Thành	30/07/1995	Tuy An Nam, Đak Lak	Đại học	Trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Khánh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành	
29	Trịnh Văn Định	15/06/1982	Hà Trung, Thanh Hóa	Đại học	Trắc địa		Đo đạc bản đồ	CN Khánh Vĩnh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
30	Trần Bảo Điệp	03/02/1996	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Khánh Vĩnh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
31	Trần Kim Hoàng	05/09/1996		Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Khánh Vĩnh	V.06.06.17	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
32	Lý Quốc Tài	02/12/1992	Diên Khánh, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Diên Khánh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
33	Nguyễn Trọng Thành	28/08/1978	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ + Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Diên Khánh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
34	Trần Ngọc Tài	15/11/1991	Quảng Điền, Huế	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Diên Khánh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
35	Bùi Trọng Hiến	15/02/1988	Hòa Trí, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
36	Trần Vũ Anh Khoa	02/11/1995	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
37	Nguyễn Văn Tĩnh	21/11/1990	Tu Bông, Khánh Hòa	Thạc Sĩ	Bản đồ, viễn thám và hệ thống địa lý+ trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
38	Ngô Quốc Anh	08/01/1988	Diên Thọ, Diên Khánh	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
39	Bùi Trọng Pháp	20/10/1989	Hòa Trí, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
40	Đặng Tiên Đạt	28/09/1988	Tuy Hòa, Đak Lak	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ + Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
41	Nguyễn Nam Anh	09/11/1996	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
42	Võ Đình Kiên	10/05/1982	Nam Đàn, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
43	Nguyễn Văn Thới	29/09/1974	Bồng Sơn, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
44	Nguyễn Lâm	07/10/1982	Thạch Hân, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
45	Võ Đình Nhân	08/07/1996	Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành	
46	Trần Quốc Truyền	14/10/1996	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Đại học	Trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành	
47	Hà Hữu Hạnh	20/12/1990	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	DT Chấn	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Phước	V.06.06.17	Chuyên ngành	
48	Nguyễn Thanh Toàn	25/03/1983	Kim Trà, Huế	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
49	Nguyễn Văn Trường	29/10/1988	Hoạt Giang, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
50	Nguyễn Chính Duy	16/08/1992	Sông Cầu, Đak Lak	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Hoàn thành nghĩa vụ QS	Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
51	Thái Doãn Đường	26/09/1993	Hà Tĩnh	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
52	Ngô Quang Huy	08/08/1997	Vĩnh Định, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
53	Nguyễn Hữu Thiện	01/12/1998	Nam Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
54	Nguyễn Huy Vũ	11/11/1990	Hoài Nhơn, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
55	Phan Trọng Nghĩa	15/04/1991	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hải	V.06.06.17	Chuyên ngành	
56	Trần Sơn Vũ	10/08/1986	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hải	V.06.06.17	Chuyên ngành	
57	Nguyễn Nhật Chương	13/08/2001	Cà Ná, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Thuận Nam	V.06.06.17	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
58	Nguyễn Đình Luật	02/07/1984	Hòa Hiệp, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Thuận Nam	V.06.06.17	Chuyên ngành	
59	Nguyễn Kính Khiêm	08/06/1991	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Thuận Nam	V.06.06.17	Chuyên ngành	
60	Nguyễn Ngọc Sang	20/07/1992	Khánh Hòa	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ + Quản lý đất đai+ Luật		Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
61	Trần Minh Hoàng	01/03/1996	Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
62	Võ Đình Sơn Tùng	18/06/1987	Tây Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
63	Phan Đức Chương	19/11/1984	Thăng An, Đà Nẵng	Đại học	Quản lý đất đai	Tốt nghiệp Sĩ quan dự bị (có GCN)	Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
64	Hà Quốc Hoàng	17/10/1989	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
65	Nguyễn Hoàng Minh Thông	01/01/2002	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai; Định giá bất động sản		Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
66	Chu Hữu Đức	15/10/1990	Hà Nội	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
67	Trịnh Như Quỳnh	24/04/1985	Thọ Xuân, Thanh Hóa	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý đất đai + Kế toán		Chuyên viên tổ chức bộ máy	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
68	Đỗ Ngọc Thanh Cẩm	11/04/1997	Văn Lâm, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên tổ chức bộ máy	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
69	Phạm Thùy Anh	31/08/1993	Như Quỳnh, Hưng Yên	Thạc sĩ	Kinh tế; Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Con thương binh	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
70	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	02/09/1986	Gia Lai	Đại học	lưu trữ- quản trị văn phòng		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
71	Đặng Thị Thu Vân	13/06/1987	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	lưu trữ học- Quản trị Văn phòng		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
72	Lê Thị Hồng Nhung	20/08/1983	Tuy Phước, Gia Lai	Đại học	Tài chính kế toán		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
73	Huỳnh Thị Minh Lợi	02/12/1993	Hòa Thịnh, Đak Lak	Đại học	Quản trị kinh doanh		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
74	Nguyễn Thị Bích Tuyền	30/08/1991	Tuy An Đông, Đak Lak	Đại học	Quản trị văn phòng		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
75	Trương Thị Thanh Thân	30/11/1992	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
76	Hoàng Thị Lệ	19/12/1982	Hải Phòng	Đại học	Luật		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
77	Nguyễn Lê Ngọc Chi	15/10/1984	Ninh Hòa, KHÁNH HÒA	Đại học	Luật		Văn thư viên	CN Ninh Hòa	02.007	Chuyên môn dùng chung	
78	Ngô Thị Mỹ Nga	06/04/1984	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Văn thư viên	CN Ninh Phước	02.007	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
79	Lê Nguyên Gia Phong	30/08/1980	Gia Lai	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý đất đai + Công nghệ thông tin		Chuyên viên tổng hợp	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
80	Lê Thùy Chi	02/01/1981	Hà Tĩnh	Đại học	Công nghệ thông tin; Công nghệ phần mềm	Con của người hoạt động kháng chiến bị CDHH	Chuyên viên tổng hợp	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
81	Phan Thọ Thiên	28/11/2003	Gò Nổi, Đà Nẵng	Đại học	Công nghệ thông tin; Công nghệ phần mềm		Chuyên viên tổng hợp	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
82	Đặng Tiến Hải	26/12/1990	Ninh Khang, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành	
83	Nguyễn Hoàng Lâm	16/01/2002	Tây Sơn, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành	
84	Phạm Thị Hoa	09/04/1987	Đông Thái Ninh, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành	
85	Lê Văn Khánh	02/04/1986	Thạch Phước, Vĩnh Long	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
86	Nguyễn Thành Thương	12/11/1989	Phù Cát, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành	
87	Trần Thị Trang Đài	05/11/1975	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành	
88	So Thị Bích Tuyền	17/12/1991	Sơn Hòa, Đak Lak	Đại học	Luật	Dân tộc Chăm, con thương binh	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Bác Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung	
89	Hoàng Thị Thu Thảo	16/06/1997	Thanh Hóa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Bác Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung	
90	Ngô Thị Ánh Nguyệt	12/05/1988	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
91	Cao Thị Nghĩa	13/11/1987	Minh Hóa, Quảng Trị	Đại học	Luật	Con bệnh binh	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Thuận Nam	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
92	Trương Văn Đăng	06/08/1984	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Thuận Nam	01.003	Chuyên môn dùng chung	
93	Trần Hồ Chí Trung	08/10/1991	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
94	Dương Thị Hằng	17/01/1982	Tây Hoa Lư, Ninh Bình	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
95	Nguyễn Thị Khánh Linh	24/03/1992	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học	Luật; Luật thương mại		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
96	Lê Phúc Hòa	06/09/1985	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
97	Thân Thị Thu Hà	18/08/1993	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Công nghệ kỹ thuật Môi trường + Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
98	Hồ Thị Thùy Linh	10/08/1993	Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
99	Dương Phi Học	22/07/1991	Phú Yên, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
100	Phạm Quang Huy	27/11/1988	Gia Lai	Đại học	Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
101	Huỳnh Thanh Trúc	01/02/2001	Cam Hiệp, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế và quản lý công		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
102	Nguyễn Thị Thảo Ny	14/10/1994	Khánh Hòa	Đại học	Luật+ Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
103	Nguyễn Trần Việt Linh	23/03/1995	Diên Thọ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
104	Tạ Thị Khánh Huyền	28/01/2003	Tiên Du, Bắc Ninh	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
105	Vũ Phước Thành	04/04/1995	Hà Đông, Hải Phòng	Đại học	Luật + Quản trị kinh doanh		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
106	Nguyễn Thị Ngân Hà	17/10/1995	Thăng An, Đà Nẵng	Thạc sĩ	Thạc sĩ Luật + Ngôn ngữ Anh		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
107	Châu Ngọc Thanh Hải	15/10/1982	Núi Thành, Đà Nẵng	Đại học	Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
108	Võ Triều Toàn	16/11/1984	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
109	Phạm Khang Hân	11/06/2000	An Khê, Gia Lai	Đại học	Luật; Luật dân sự		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
110	Phan Xuân Ngân	04/03/1990	Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
111	Vi Nhật Sâm	27/10/1996	Con Cuông, Nghệ An	Đại học	Luật	Dân tộc Thái	Chuyên viên Hành chính văn phòng	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
112	Đặng Thị Thùy Dương	18/06/1987	An Khánh, Hải Phòng	Đại học	Kế toán + Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
113	Bùi Thị Hòa	19/04/1986	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
114	Trần Thị Thanh Thủy	06/08/1993	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
115	Hứa Thị Hồng Bích	17/05/2002	Phước Hữu, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Dân tộc Chăm	Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
116	Nguyễn Thị Diệu Thu	30/04/1993	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
117	Đàng Phú Nữ Saman	20/03/1993	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Dân tộc Chăm	Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
118	Vạn Nữ Kiều My	25/09/2002	Phước Hữu, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Dân tộc Chăm	Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
119	Lê Thị Thu Nguyệt	24/08/1991	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Vạn Ninh	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
120	Bùi Thị Hoàng Giang	03/11/1991	Bắc Đông Quan, Hưng Yên	Đại học	Tài chính ngân hàng		Kế toán viên	CN Cam Ranh	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
121	Trương Thị Thu Thủy	26/09/1996	Yên Mỹ, Hưng Yên	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Cam Ranh	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
122	Nguyễn Thị Nhật Hiệp	20/04/1987	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Cam Lâm	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
123	Trịnh Thị Thu Hạnh	19/08/1997	Mộ Đức, Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Cam Lâm	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
124	Đỗ Thị Như Hoa	23/09/1992	Hải Phòng	Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
125	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/09/2001	Lam Thành, Nghệ An	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
126	Phan Nguyễn Thanh Nhân	04/12/1995	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Tài chính ngân hàng		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
127	Nguyễn Thị Kim Thảo	16/06/2002	Đak Lak	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
128	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/07/2000	Yên Hòa, Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
129	Nguyễn Thị Tinh	26/04/1984	Nam Cửa Việt, Quảng Trị	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
130	Trần Nguyễn Nguyên Anh	24/07/1988	Diễn Châu, Nghệ An	Đại học	Tài chính		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
131	Phạm Thị Thu Tuyền	15/11/1982	Tuy An Tây, Đak Lak	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
132	Huỳnh Thị Kim Bạch Thảo	07/05/1981	Bình Định	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
133	Đinh Thị Bé	20/03/1987	Anh Sơn, Nghệ An	Đại học	Kế toán	Con thương binh 4/4	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
134	Nguyễn Khánh Huyền	25/03/1996	Quảng Ninh, Quảng Trị	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
135	Kiều Mai Minh Ngọc	28/10/1992	Gia Lai	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
136	Nguyễn Thị Thu Huyền	20/08/2001	Tượng Lĩnh, Thanh Hóa	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
137	Nguyễn Văn Hiền	06/06/1991	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
138	Lê Thị Thanh Phúc	18/03/1986	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
139	Nguyễn Lê Thanh Khoa	20/03/1978	Ninh Phước, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Luật; CN kinh tế, dược sĩ		Pháp chế viên	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
140	Trương Thị Nhi	14/05/1995	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học	Luật; Luật dân sự		Pháp chế viên	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
141	Nguyễn Thế Cường	05/01/1985	Vĩnh Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
142	Trần Thị Ngọc Hiền	01/12/1995	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
143	Nguyễn Minh Thảo	20/10/1977	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
144	Lê Tuấn Huy	22/05/1998	Tây Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Pháp chế viên	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
145	Lê Hoàng Phước	21/02/1993	Khánh Hòa	Thạc sĩ; Đại học	Thạc sĩ Luật kinh tế CN Luật + Công nghệ kỹ thuật xây dựng		Pháp chế viên	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
146	Huỳnh Thiên Long	14/05/2003	Mỹ Thượng, Huế	Đại học	Luật; Luật dân sự		Pháp chế viên	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
147	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	28/02/1985	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Luật + kinh tế		Pháp chế viên	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
148	Nguyễn Thị Kim Dung	15/08/1976	Cát Khánh, Đak Lak	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
149	Trần Nguyễn Yến Linh	19/02/2000	Tuy An Đông, Đak Lak	Đại học	Luật; Luật kinh doanh		Pháp chế viên	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
150	Trần Việt Văn	23/08/2002	Tam Quan, Gia Lai	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
151	Nguyễn Thị Thúy Kiều Vy	28/12/1985	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
152	Nguyễn Thị Thạch Trúc	09/05/1985	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
153	Đình Trung Hoàng	12/09/2001	Nam Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
154	Mai Thành Trung	15/06/2001	Hải Lĩnh, Thanh Hóa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
155	Nguyễn Thị Bích Phượng	04/03/1989	Ninh Thuận	Đại học	Luật		Pháp chế viên	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
156	Nguyễn Thị Thu Thảo	12/01/2002	Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
157	Nguyễn Thị Khánh Linh	26/06/2003	Krông Pắc, Đắk Lắk	Đại học	Luật		Pháp chế viên	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
158	Thái Thị Hiền	27/05/1991	Đô Lương, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai		Lưu trữ viên	CN Bác Ái	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
159	Lê Hoàng Anh	15/11/1990	Hà Bắc, Hải Phòng	Đại học	Công nghệ thông tin		Lưu trữ viên	CN Khánh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
160	Trà Hoài Nam	26/02/1986	Phù Cát, Gia Lai	Đại học	Luật		Lưu trữ viên	CN Ninh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
161	Lê Huỳnh Lệ Sương	05/08/1995	Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi trường		Lưu trữ viên	CN Ninh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
162	Mai Thị Phượng	10/10/2001	Bằng Hành, Tuyên Quang	Đại học	Luật	ân tộc Tà	Lưu trữ viên	CN Ninh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
163	Nguyễn Thị Lụa	17/05/1990	An Lão, Gia Lai	Đại học	Luật kinh tế		Lưu trữ viên	CN Ninh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
164	Nguyễn Văn Khoa	15/11/1988	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Lưu trữ viên	CN Thuận Nam	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
165	Lê Thị Thu Trang	13/12/2001	Hàm Liêm, Lâm Đồng	Đại học	Xã hội học		Lưu trữ viên	CN Thuận Nam	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
166	Bá Thị Bích Thương	10/08/1999	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Lưu trữ - quản trị văn phòng		Lưu trữ viên	CN Thuận Nam	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
167	Cao Thị Thúy Trang	30/07/1978	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Tiếng anh		Lưu trữ viên	CN Cam Ranh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
168	Vũ Thị Hồng Thắm	10/07/1994	Xuân Trường, Ninh Bình	Đại học	Sư phạm sinh học		Lưu trữ viên	CN Cam Ranh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
169	Mai Hữu Linh	31/05/1982	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Công nghệ thông tin		Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
170	Nguyễn Tấn Tài	23/10/1992	Hòa Trí, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
171	Lê Thị Hoàng Mi	01/03/1991	Đông Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
172	Nguyễn Thị Thu Trang	06/12/1983	Anh Sơn, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị CDHH	Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
173	Nguyễn Thị Kiều Diễm	19/10/1987	Gia Lai	Đại học	Quản trị Văn phòng		Lưu trữ viên	CN Cam Lâm	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
174	Mai Thị Bích Duyên	14/12/1996	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Lưu trữ viên	CN Cam Lâm	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
175	Nguyễn Thành Đạt	30/11/1992	Diên Điền, Diên Khánh	Đại học	Luật		Lưu trữ viên	CN Diên Khánh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
176	Dương Thúy Lệ	10/07/1987	Bắc Ninh	Đại học	Lưu trữ và quản trị văn phòng		Lưu trữ viên	CN Diên Khánh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
177	Lê Thị Hà	10/11/1989	Tân Gianh, Quảng Trị	Đại học	Lưu trữ và quản trị văn phòng		Lưu trữ viên	CN Nha Trang	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
178	Võ Thụy Thanh Tâm	25/06/1980	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai		Lưu trữ viên	CN Nha Trang	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
179	Trần Anh Thư	26/03/1991	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Lưu trữ viên	CN Nha Trang	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
180	Nguyễn Thị Anh Trang	24/09/1979	Thanh Hóa	Đại học	Luật		Lưu trữ viên	CN Nha Trang	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
181	Trần Thị Ánh Chung	05/02/1985	Việt Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Lưu trữ viên	Phòng TTLT	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
182	Huỳnh Quang Thanh	06/06/1976	Vĩnh Long	Đại học	Quản lý đất đai	Con thương bệnh binh	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
183	Nguyễn Văn Thà	17/12/1993	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
184	Lương Bá Linh My	14/11/1985	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
185	Huỳnh Lê Tú Uyên	27/12/1992	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
186	Nguyễn Thị Phan Hồng Tuyên	20/08/1984	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
187	Lương Tấn Dương	01/03/1985	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
188	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	31/03/1987	Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ; Công nghệ kỹ thuật trắc địa		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
189	Võ Thị Xuân Lạnh	10/06/1994	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
190	Trương Hoài Phương	25/08/1992	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
191	Phạm Thị Hương	02/03/1986	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
192	Hồ Công Bình	18/03/1994	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Thuận Nam	V.06.01.02	Chuyên ngành	
193	Trần Văn Nghĩa	22/11/1996	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Thuận Nam	V.06.01.02	Chuyên ngành	
194	Trần Quốc Phương	10/10/1984	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Thuận Nam	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
195	Lê Võ Ngọc Vũ	14/11/1992	Cẩm Thành, Quảng Ngãi	Thạc sĩ	Quản lý đất đai + Luật		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
196	Cao Chí Thìn	03/09/1988	Kim Phú, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
197	Nguyễn Thái Hoàng Long	18/07/1989	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
198	Đỗ Thị Lệ Hằng	02/08/1978	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
199	Ngô Vĩnh Minh	26/02/1988	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
200	Nguyễn Thụy Hà Trang	02/05/1986	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
201	Huỳnh Lê Quang Huy	11/01/1984	Trà Câu, Quảng Ngãi	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
202	Lê Thành Vinh	19/44/1979	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Quản lý đất đai; Thạc sĩ kinh tế		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
203	Phan Quốc Đạt	10/12/1996	Nam Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
204	Trào Văn Thức	16/01/1996	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
205	Nguyễn Phan Quốc Huy	19/05/1996	Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
206	Ngô Anh Khoa	12/11/1988	Diên Điền, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
207	Nguyễn Thị Anh Kiều	29/07/2000	Diên Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Địa chính và quản lý đô thị		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
208	Nguyễn Thị Diệu Lương	05/11/1996	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành	
209	Nguyễn Thị Diệu Hiền	25/05/1994	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành	
210	Trần Thị Thu Thùy	20/04/1992	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành	
211	Nguyễn Văn Dũng	21/10/1996	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành	
212	Lê Thị Bích Hợp	26/12/1976	Công Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành	
213	Nguyễn Phạm Linh Trang	28/02/1985	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Sơn	V.06.01.02	Chuyên ngành	
214	Đình Thị Thúy	15/09/1995	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Sơn	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
215	Nguyễn Thị Kim Cúc	03/12/1997	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Sơn	V.06.01.02	Chuyên ngành	
216	Võ Thị Kim Tiến	08/0/1989	Bắc Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
217	Nguyễn Thị Ngọc Thu	11/05/1999	Hoàng Tiến, Thanh Hóa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
218	Nguyễn Ngọc Tùng Linh	06/07/1995	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
219	Nguyễn Cảnh Thực	23/01/1985	Lương Sơn, Nghệ An	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
220	Lê Thị Thu Thảo	06/02/1993	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
221	Nguyễn Thị Thúy Hằng	18/02/1992	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
222	Lê Thị Thúy Nghĩa	11/08/1993	Lê Thủy, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
223	Lê Minh Hải	02/10/1995	Hòa Trí, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
224	Huỳnh Hải Đăng	13/08/2000	Bắc Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
225	Nguyễn Huỳnh Minh Tuấn	28/03/2001	Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
226	Nguyễn Anh Sang	05/03/1998	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
227	Phạm Nguyễn Hữu Phúc	01/02/1999	Kiến Xương, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
228	Trần Thị Thu Ngân	18/06/2003	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
229	Lương Thị Ngọc Thanh	07/11/1990	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Địa chính		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
230	Phan Thanh Chinh	20/10/1985	Đức Thịnh, Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
231	Dương Thị Thu Dung	17/08/1984	Đan Hải, Hà Tĩnh	Đại học	Trắc địa		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
232	Trương Lưu Ngọc Thảo	19/09/2001	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai; Địa chính và quản lý đô thị		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
233	Đặng Kim Phong	02/09/1987	Đông Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
234	Lê Thị Ái Nhi	16/12/1993	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
235	Lý Hùng Sơn	19/04/1995	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
236	Lê Thị Tuyết Hạnh	01/01/1983	Thăng Bình, Đà Nẵng	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
237	Trương Thị Ngọc Bích	08/05/1986	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
238	Nguyễn Thị Kim Ánh	26/02/1988	Diên Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
239	Đỗ Quyên	25/10/1995	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
240	Đỗ Hồng Ngọc	29/11/2002	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
241	Võ Thị Ngọc Trâm	17/05/2002	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
242	Văn Thị Bích Nguyệt	24/10/1993	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
243	Huỳnh Nữ Xuân Vọng	16/05/1996	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
244	Lê Nữ Bích Ngọc	26/04/1995	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
245	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12/04/1997	Quỳ Châu, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
246	Trần Thị Thu Thanh	26/10/2000	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
247	Hoàng Đình Hưng	30/09/1983	Tuyên Quang	Đại học	Quản lý đất đai	Dân tộc Tày	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
248	Lê Xuân Thịnh	05/02/2000	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai; Hệ thống thông tin địa lý		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
249	Trần Anh Quốc	04/01/1993	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
250	Võ Phạm Ngọc Đạt	16/01/1992	Vạn Hưng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
251	Nguyễn Thị Hảo	26/11/1985	Nghi Sơn, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
252	Hoàng Thị Ngân	02/01/1986	Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
253	Trần Ngọc Lâm	19/02/1995	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
254	Nguyễn Linh Trí	05/04/1998	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
255	Phạm Ngọc Duy	09/01/1990	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
256	Huỳnh Đăng Khánh	03/02/1988	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
257	Đàm Quang Chung	11/12/1985	Phường Chũ, Bắc Ninh	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
258	Trần Thị Thanh Trúc	12/06/1990	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
259	Lê Thị Hồng	29/04/1995	Vĩnh Hải, Hải Phòng	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
260	Nguyễn Trần Phước Trung	10/01/1990	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
261	Bùi Ngọc Hoàng Vy	16/02/1998	Diên Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
262	Trần Văn Thoại	04/06/1985	Diên Khánh, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
263	Tô Quang Vĩnh	08/11/1990	Trà Lĩnh, Cao Bằng	Đại học	Quản lý đất đai	ân tộc Tà	Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
264	Trần Thị Xuân Quỳnh	11/03/1989	Tuyên Bình, Quảng Trị	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
265	Thân Tấn Quân	04/03/1999	Dương Nỗ, Huế	Đại học	Trắc địa bản đồ		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
266	Lê Thị Như Hoa	30/12/1985	Quảng Ngọc, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Con người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CĐHH	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
267	Hồ Ý Nhi	10/11/1989	Diên Điền, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
268	Phan Thanh Hiền	30/07/1991	Tây Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
269	Đào Văn Lộc	22/02/1985	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
270	Nguyễn Ánh Duyên	24/02/1987	Tây Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
271	Nguyễn Thị Vân Anh	24/02/1980	Thanh Hà, Hải Phòng	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
272	Lê Hoàng Tịnh Văn	17/10/2001	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
273	Lê Trung Kiên	30/09/1998	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
274	Ngô Quốc Phong	03/01/2000	Bắc Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
275	Ngô Thị Cẩm Tú	03/01/1985	Tân Trụ, Tây Ninh	Đại học	Quản lý đất đai	Con thương binh 3/4	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
276	Nguyễn Phi Phương Hoàng	21/05/1988	Cam An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
277	Trần Thị Quỳnh Trâm	28/07/1988	Diên Điền, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
278	Lưu Thị Ngọc Diệu	10/02/1992	Hòa Thịnh, Đak LaK	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
279	Phạm Minh Uyên	26/03/1992	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
280	Nguyễn Thị Tuyết Nga	16/04/1988	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
281	Mai Phú Khánh	05/01/1992	Diên Điền, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
282	Trương Thị Thanh Thúy	13/09/1994	Diên Thọ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
283	Văn Khánh Vũ	09/12/1994	Bắc Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
284	Nguyễn Nguyên Hạnh Nhân	03/10/1994	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
285	Lưu Thị Ngọc Dung	18/08/1997	Hòa Thịnh, Đak LaK	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
286	Lý Nguyễn Bửu Trân	10/01/1988	Ngô Mây, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
287	Đình Văn Khôi	22/07/1997	Hòa Hội, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Bác Ái	V.06.01.02	Chuyên ngành	
288	Nguyễn Tuấn Anh	08/09/1979	Vĩnh Thuận, Hải Phòng	Đại học	Quản lý đất đai	Con thương binh	Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	
289	Trương Minh Thành	02/03/1989	Phước Hậu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	
290	Huỳnh Thị Hiền	30/11/1986	Phù Cát, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	
291	Hà Thủy Kiều Giang	14/12/1983	Thái Thụy, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
292	Bạch Lâm Sơn	06/08/1993	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	
293	Lê Thị Bình An	30/11/1995	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	
294	Đào Thị Thanh Diệu	30/01/2002	Đô Vinh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	
295	Phan Thị Thu Hằng	08/05/1989	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Thuận Bắc	V.06.01.02	Chuyên ngành	
296	Trương Vĩnh Pháp	06/02/1988	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Thuận Bắc	V.06.01.02	Chuyên ngành	
297	Lê Thị Hồng Thắm	10/09/1991	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
298	Nguyễn Thị Mai Trí	29/05/1991	Hoài Nhơn, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
299	Hà Thị Bích Trâm	15/03/1996	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai; Công nghệ địa chính		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
300	Trương Thị Anh Đào	02/08/1983	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
301	Đào Ngọc Hiền	18/09/1984	Nghĩa Khánh, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai	n bệnh b	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
302	Nguyễn Thị Thoa	02/04/1984	Hoàng Tiến, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
303	Huỳnh Thị Lãng	26/02/1981	Sông Cầu, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
304	Phan Thị Phương Thảo	03/02/1976	Đức Phổ, Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
305	Hồ Minh Huy	14/10/1991	Sông Cầu, Đak Lak	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
306	Châu Thị Thanh Loan	24/06/1992	Phú Yên	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
307	Nguyễn Thị Nhứt	14/07/1980	Nguyễn Nghiêm, Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai +Kế toán		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
308	Phan Thảo Như Quỳnh	21/02/1997	Ô Loan, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
309	Nguyễn Hoài Đức	19/04/1987	Mỏ Cày, Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
310	Nguyễn Thị Thu Thủy	18/09/1989	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
311	Nguyễn Trần Vịnh	21/03/1992	Tây Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Khánh Vĩnh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
312	Hồ Trọng Liêm	05/04/1995	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
313	Trần Thị Ngọc Lành	21/08/2001	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
314	Nguyễn Thị Thắm	06/03/1990	Hòa Hiệp, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
315	Nguyễn Thị Mỹ Cẩm	29/04/2003	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
316	Trần Thị Như Thủy	14/01/1992	Hải Quang, Ninh Bình	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
317	Trần Thị Thanh Hương	09/07/1990	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
318	Trần Huỳnh Như Ái Mỹ	14/06/2000	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Luật; Luật kinh tế		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
319	Trần Thị Trúc Ly	06/05/2000	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
320	Ngô Thị Nghĩa	26/02/1985	Trường Vân, Thanh Hóa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
321	Trần Thị Lợi	25/09/1996	Bạch Hà, Nghệ An	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
322	Ngô Thị Vân Thùy	18/06/1986	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
323	Nguyễn Nhị Phong Nha	17/08/2002	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
324	Lê Thị Như	23/06/1991	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
325	Ngô Thảo Nguyên	05/02/1983	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
326	Thái Bảo	04/04/1996	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
327	Nguyễn Minh Hiếu	30/04/1997	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Luật	m gia N	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
328	Phan Trương Quốc Khánh	29/03/2003	Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
329	Nguyễn Hữu Huy	12/09/2001	Điện Bàn Tây, Đà Nẵng	Đại học	Luật; Luật kinh tế		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
330	Nguyễn Thị Thu	18/11/1974	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
331	Trần Văn Linh	12/09/1988	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
332	Trương Trần Thị Kim Quý	27/08/2000	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
333	Cao Văn Lành	21/11/1988	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
334	Lê Thị Hồng Phấn	13/07/1989	Tuy An Đông, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
335	Phan Thị Quý	01/08/1990	An Lương, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
336	Đặng Thị Huyền Trang	12/11/1988	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
337	Lê Châu Thanh Trúc	04/04/2002	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Đại học	Luật; Luật dân sự		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
338	Bùi Thị Mỹ Hằng	08/06/1996	Tuy An Bắc, Đak Lak	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
339	Nguyễn Hà Dung	18/03/1991	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
340	Võ Thị Kim Hương	07/09/1989	Tuy An Đông, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
341	Ngô Bảo Tố Nga	19/11/1988	Lâm Đồng	Đại học	Toán tin + Quản lý đất đai+ Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
342	Mạc Lê Như Xuân	02/01/1993	Sông Cầu, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
343	Lã Thị Thùy	19/03/1992	Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Con bệnh binh	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
344	Ngô Thị Hoài	08/05/1989	Lưu Vệ, Thanh Hóa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
345	Nguyễn Thu Phương	01/06/1996	Hải Hưng, Ninh Bình	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
346	Nguyễn Thị Sương	15/03/1993	Đề Gi, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai + Luật + kế toán		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
347	Trần Quốc Cường	15/12/2000	Phú Nhuận, Đà Nẵng	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
348	Phan Duy Khánh	16/03/1998	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
349	Võ Thị Ngọc Phương	07/04/1987	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán + Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
350	Phạm Thị Thu Nhân	10/03/2003	Gia Lai	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
351	Lê Thị Minh Khang	12/01/1994	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
352	Phạm Thị Thùy Linh	15/03/1990	Lê Thủy, Quảng Trị	Đại học, Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng; Luật Thạc sĩ Luật kinh tế		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
353	Nguyễn Vũ Thủy Tiên	16/07/1996	Cam Hiệp, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
354	Võ Khôi Quỳnh Như	04/09/2001	Tam Quan, Gia Lai	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
355	Nguyễn Phạm Huyền Trân	15/08/1993	Tuy An Tây, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
356	Nguyễn Thị Ngọc Vân	20/10/1986	Hoài Nhơn, Gia Lai	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
357	Nguyễn Thị Kim Khanh	17/06/1991	Xuân Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Dân tộc Chăm	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Bắc Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung	
358	Hồ Thị Trúc Hà	07/10/1995	Đô Vinh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Bắc Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
359	Đạo Quốc Bình	14/06/2001	Đô Vinh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Bác Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung	
360	Nguyễn Châu Khâm	11/09/1990	Đức Phổ, Quảng Ngãi	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
361	Bạch Thị Thu Thảo	25/10/1996	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
362	Trần Thị Trúc Ninh	03/05/2000	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
363	Trần Thị Bích Hạnh	15/10/1995	Đông Hải, KHánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
364	Trần Thy Nhiên Duy	24/02/1992	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
365	Nguyễn Thị Hồng Hằng	05/10/1996	Phước Hậu, KHánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
366	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	24/01/2003	Lê Thủy, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
367	Lưu Trọng Tín	09/01/1988	Thạch Thành, Thanh Hóa	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý đất đai + Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
368	Nguyễn Lê Phong	21/04/2000	Mỹ Sơn, Khánh Hòa	Đại học	Luật; Luật quốc tế		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
369	Hồ Thị Ngọc Thúy	17/02/1995	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
370	Đặng Thị Xuân Yên	26/04/2001	Khánh Vĩnh, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế; Thẩm định giá		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
371	Nguyễn Thị Khánh Hải	08/02/1992	Phước Dinh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
372	Ngô Thị Hoàng Vy	20/05/1995	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
373	Huỳnh Thị Ngọc Quyên	02/09/1996	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
374	Nguyễn Thị Diễm Thoa	11/11/1985	Xuân Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
375	Đạo Trọng Phiên	14/10/1998	Xuân Hải, Khánh Hòa	Đại học	Công nghệ thông tin	Dân tộc Chăm	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
376	Hồ Lê Tuyết Trinh	01/09/1990	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
377	Đường Nguyễn Hoài Thương	18/12/1994	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
378	Võ Thị Kim Vi	17/02/1986	Xuân Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
379	Võ Thái Hiền	29/03/2001	Đà Nẵng	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
380	Nguyễn Thị Xuân Phương	05/09/1997	Lê Thủy, Quảng Trị	Đại học	Văn hóa học+ Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
381	Lê Sơn Đông	02/07/1986	Đông Hải, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế + Cử nhân Luật	Sĩ quan dự bị	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
382	Ngô Thanh Lâm	19/06/1983	Ninh Sơn, Khánh Hòa	Đại học	Quản trị kinh doanh + Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
383	Lâm Gia Nhật Anh	24/10/1998	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Đại học	Kinh tế; Kinh tế Nông lâm		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
384	Phạm Ngọc Hòa	15/12/2000	Bảo An, KHánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
385	Bùi Trung Đức	03/10/1996	Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
386	Nguyễn Thanh Tùng	01/01/2002	Hà Nội	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
387	Võ Quốc Khánh	22/10/1993	TP Hồ Chí Minh	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
388	Hồ Minh Trí	16/11/2000	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
389	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	19/02/1981	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế; kinh tế đối ngoại		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
390	Nguyễn Kiều Linh	13/08/2002	Ninh Thuận	Đại học	Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
391	Phạm Thị Lan	11/11/1988	Vĩnh Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
392	Đỗ Duy Khôi	05/03/2003	Đô Vinh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
393	Nguyễn Phú Trinh Nguyễn	08/09/2003	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
394	Trần Thị Phương Nhung	07/10/1995	Nam Lý, Ninh Bình	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
395	Lê Thị Mỹ Lan	04/07/1994	Phù Cát, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	
396	Nguyễn Thị Mai Thi	04/02/1996	Huế	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	
397	Hồ Thị Thu Hiền	14/10/1995	Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
398	Mai Thị Hoa Lộc	01/04/1986	Vạn Lộc, Thanh Hóa	Đại học	Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	
399	Phạm Hoàng Đức	31/08/2001	Hà Nam	Đại học	Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	
400	Trần Ngọc Nghĩa	09/08/1994	Phước Hữu, Khánh Hòa	Đại học	Luật	n tộc Ch	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
401	Lường Thị Quỳnh	11/04/1995	Cẩm Tân, Thanh Hóa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai	h tộc Mường	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Thuận Nam	01.003	Chuyên môn dùng chung	
402	Nguyễn Thị Kim Huy	08/08/1986	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Thuận Bắc	01.003	Chuyên môn dùng chung	
403	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/04/1990	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
404	Nguyễn Việt Trinh	08/04/1990	Ba Đồn, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai + Kế toán		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Ghi chú:

Phòng ĐK và CGCN: Phòng Đăng ký và cấp giấy

Phòng TTLT: Phòng Thông tin- Lưu trữ.

Phòng HCTH: Phòng Hành chính- Tổng hợp.

CN: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.